

ĐẶC ĐIỂM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, CƠ CẤU SỞ HỮU VÀ ĐỘ TRỄ BÁO CÁO KIỂM TOÁN TRONG CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

TS. Đỗ Văn Anh* - Phạm Thị Hoàng Yến* - Trần Thanh Tâm*

Bài viết này nhằm nghiên cứu tác động của các đặc điểm của hội đồng quản trị, cơ cấu sở hữu đến độ trễ báo cáo kiểm toán (ARL) của các ngân hàng tại Việt Nam. Nghiên cứu này sử dụng mẫu gồm 29 ngân hàng thương mại tại Việt Nam trong khoảng thời gian từ 2014-2023. Dữ liệu được phân tích sử dụng phương pháp bình phương tối thiểu tổng quát. Kết quả nghiên cứu cho thấy độ trễ của báo cáo kiểm toán của các ngân hàng chịu ảnh hưởng bởi các đặc điểm của hội đồng quản trị, đặc trưng về quyền sở hữu và kết quả hoạt động của ngân hàng.

• Từ khóa: báo cáo kiểm toán, độ trễ, ngân hàng.

This paper aims to study the impact of board characteristics and ownership structure on audit reporting lag (ARL) of banks in Vietnam. This study uses a sample of 29 commercial banks in Vietnam during the period from 2014 to 2023. The data is analyzed using the generalized least squares method. The results show that the audit reporting lag of banks is affected by board characteristics, ownership characteristics and bank performance.

• Key words: audit report, lag, bank.

JEL codes: G32, G34

Ngày gửi bài: 17/01/2025

Ngày gửi phản biện: 22/01/2025

Ngày nhận và sửa sau phản biện: 23/4/2025

Ngày chấp nhận đăng: 12/5/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i291.14>

1. Giới thiệu

Các ngân hàng đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Với chức năng trung gian tín dụng, trung gian thanh toán và tạo tiền, hệ thống ngân hàng góp phần kiểm chế, kiểm chế lạm phát, duy trì ổn định giá trị tiền tệ và tỷ giá, cải thiện kinh tế vĩ mô, môi trường đầu tư và sản xuất kinh doanh (Tuệ, 2022).

Do tầm quan trọng của hệ thống ngân hàng cũng như ảnh hưởng sâu sắc của nó, các ngân hàng đã trở thành đối tượng bắt buộc phải kiểm toán độc lập báo cáo tài chính hàng năm theo Luật các tổ chức tín dụng 2010 số 47/2010/QH12. Bên cạnh đó, việc tiếp cận kịp thời với các thông tin tài chính đáng tin cậy cũng rất quan trọng đối với nhà đầu tư để đưa ra quyết định chính xác và hiệu quả hơn. Tuy nhiên, thời gian từ cuối năm tài chính đến ngày công bố báo cáo kiểm toán thường kéo dài,

ảnh hưởng lớn đến tính hữu ích của thông tin tài chính. Giai đoạn này được gọi là độ trễ của báo cáo kiểm toán, sau đây gọi tắt là ARL (Chalu, 2021). Thời gian công bố báo cáo kiểm toán ngân hàng không đồng đều, thường kéo dài từ 1 đến 3 tháng. Bên cạnh đó, đặc biệt kể từ sau đại dịch COVID, nhiều ngân hàng chậm công bố thông tin kiểm toán, ảnh hưởng đến việc ra quyết định của các bên liên quan.

Độ trễ của báo cáo kiểm toán chịu ảnh hưởng bởi một số các yếu tố như kết quả hoạt động, quy mô, tỷ lệ nợ, đặc điểm quản trị và cơ cấu sở hữu. Các nhà khoa học chưa đạt được sự đồng thuận về kết quả nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến ARL. Bên cạnh đó, các nghiên cứu về ARL thường tập trung vào các doanh nghiệp nói chung hơn là đi sâu vào các tổ chức cụ thể và có tầm quan trọng đối với nhiều thực thể trong nền kinh tế như ngân hàng. Nghiên cứu về ARL ở các nước khác trên thế giới rất đa dạng, nhưng ở Việt Nam các nghiên cứu thực nghiệm về ARL trong ngành ngân hàng còn hạn chế.

Nghiên cứu này tập trung tìm hiểu ảnh hưởng của các đặc thù của hội đồng quản trị, đặc trưng sở hữu đến ARL của các ngân hàng. Với số liệu mới nhất, nghiên cứu này sẽ góp phần vào kho lưu trữ nghiên cứu trong và ngoài nước về chủ đề ARL, tạo cơ sở cho các nhà hoạch định chính sách có những cải cách phù hợp nhằm nâng cao chất lượng và tính kịp thời của báo cáo kiểm toán.

Phần tiếp theo của nghiên cứu sẽ trình bày giả thuyết nghiên cứu ARL, phần 3 tập trung vào các phương pháp nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu và thảo luận chuyên sâu sẽ được trình bày trong phần 4. Phần cuối cùng bao gồm các kết luận và khuyến nghị cho các bên liên quan.

2. Phát triển giả thuyết nghiên cứu

Lý thuyết người đại diện phát triển bởi Jensen & Meckling (1976) giải thích sự xung đột lợi ích trong

* Đại học Hà Nội; email: anhdv@hanu.edu.vn - yenpth@hanu.edu.vn - tamttfnt@hanu.edu.vn

doanh nghiệp khi nhà quản lý ra các quyết định kinh doanh phục vụ lợi ích cá nhân thay vì lợi ích của cổ đông. Để giảm thiểu nguy cơ này, các cổ đông cần thiết lập cơ chế giám sát hoạt động của người quản lý để chế sự chuyên quyền của nhà quản lý và nâng cao chất lượng của báo cáo tài chính (Hasan et al., 2022). Cơ chế giám sát thông qua hoạt động của hội đồng quản trị và cơ cấu sở hữu có thể làm tăng hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, như giảm thiểu sự chậm trễ của báo cáo tài chính.

Đặc điểm của hội đồng quản trị

Đặc điểm của Hội đồng quản trị (HĐQT) được nghiên cứu rộng rãi liên quan đến ARL bao gồm số lượng thành viên, số lần họp, tỷ lệ thành viên độc lập. Chalu (2021), trong một nghiên cứu các ngân hàng ở châu Phi đã chỉ ra rằng, các đặc điểm của hội đồng quản trị có liên quan cùng chiều đến ARL. Một hội đồng quản trị có nhiều thành viên hơn sẽ mất nhiều thời gian hơn để đưa ra quyết định, do các rào cản trong giao tiếp, giải quyết vấn đề, do đó thường dẫn đến ARL lâu hơn. Ngoài ra, một hội đồng quản trị có thành viên độc lập thường sẽ yêu cầu chất lượng kiểm toán cao hơn để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư, uy tín của hội đồng quản trị cũng như giảm thiểu tối đa trách nhiệm pháp lý (Carcello và cộng sự, 2002). Chất lượng đánh giá tốt thường đi đôi với chi phí kiểm toán cao, do đó dẫn đến ARL lớn hơn. Khác với tỷ lệ thành viên độc lập và số lượng thành viên của HĐQT, số lần họp của HĐQT được chứng minh có tác động ngược chiều với ARL (Amin et al., 2024). Việc họp thường xuyên hơn sẽ khiến HĐQT có cái nhìn tốt hơn để chủ động giải quyết những vấn đề phát sinh, phát hiện và sửa chữa các sai sót trọng yếu, qua đó đảm bảo tính trung thực của báo cáo tài chính. Vì vậy số buổi họp của HĐQT càng lớn thì ARL càng được rút ngắn. Dựa vào các kết quả thực nghiệm trên, tỷ lệ thành viên độc lập và số lượng thành viên trong hội đồng quản trị dự kiến sẽ có mối quan hệ cùng chiều với ARL trong khi số lần họp HĐQT dự kiến sẽ có mối quan hệ ngược chiều với ARL.

H1: Tỷ lệ thành viên độc lập trong HĐQT có mối quan hệ cùng chiều với ARL

H2: Quy mô thành viên trong HĐQT có mối quan hệ cùng chiều với ARL

H3: Số lần họp HĐQT có mối quan hệ ngược chiều với ARL

Cơ cấu sở hữu

Về quản trị doanh nghiệp, trao quyền sở hữu cho nhà quản lý được xem là một trong những giải pháp hiệu quả nhất cho vấn đề về người đại diện, bởi tại thời điểm này lợi ích của công ty và lợi ích cá nhân của các nhà quản lý đã được liên kết chặt chẽ với nhau (Jensen & Meckling, 1976). Khi nhà quản lý nắm giữ cổ phần trong công ty, họ sẽ ít có động lực tạo ra thông tin sai lệch, do đó ít cần thủ tục kiểm toán chuyên sâu hơn, do đó rút ngắn thời gian hoàn thành và công bố báo cáo

kiểm toán (O'Sullivan, 2000). Ngoài ra, sự hiện diện của cổ đông nước ngoài thường dẫn đến yêu cầu quản trị và minh bạch trong báo cáo tài chính cao hơn (Ben-Nasr và cộng sự, 2015), từ đó nâng cao chất lượng kiểm toán, tương đương với việc giảm ARL. Nghiên cứu của Anum Mohad Ghazali (2010) cho thấy các công ty có sở hữu nước ngoài lớn hơn có xu hướng có ARL ngắn hơn. Cuối cùng, sự tham gia của các cổ đông tổ chức thường đóng góp các chiến lược kinh doanh để cải thiện quản trị doanh nghiệp, dẫn đến tác động tương tự như cổ đông nước ngoài. Một nghiên cứu của Lee và cộng sự, (2009) phát hiện ra rằng công ty với cổ đông tổ chức có ARL ngắn hơn. Trong nghiên cứu này, tỷ lệ sở hữu của các nhà quản lý, nhà đầu tư nước ngoài và các tổ chức dự kiến sẽ có mối quan hệ nghịch với ARL.

H4: Tỷ lệ sở hữu bởi hội đồng quản trị có tác động ngược chiều với ARL

H5: Tỷ lệ sở hữu bởi ban điều hành có tác động ngược chiều với ARL

H6: Tỷ lệ sở hữu nước ngoài có tác động ngược chiều với ARL

H7: Tỷ lệ sở hữu bởi cổ đông tổ chức có tác động ngược chiều với ARL

Các biến kiểm soát

Kết quả kinh doanh thua lỗ được coi là thông tin xấu đối với nhà đầu tư, các công ty thua lỗ có xu hướng trì hoãn báo cáo. Đồng thời, nguy cơ gian lận tài chính trong các trường hợp này cao, khiến việc kiểm toán trở nên phức tạp hơn, dẫn đến ARL lớn hơn (Whittred, 1980)). Hiệu quả kinh doanh, được đo bằng ROA và ROE, dự kiến sẽ có mối quan hệ nghịch với ARL, phù hợp với một số nghiên cứu gần đây (Endri và cộng sự, 2023).

Về rủi ro đối với doanh nghiệp nói chung, tỷ lệ đòn bẩy thường được sử dụng làm thước đo cho một doanh nghiệp. Các nhà nghiên cứu Modugu (2012) đã chứng minh mối quan hệ nghịch đảo giữa đòn bẩy tài chính và thời gian trễ để công bố báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Theo đó, các công ty có đòn bẩy cao thường có động lực để công bố báo cáo cho nhà đầu tư sớm hơn để khẳng định tình hình tài chính ổn định của công ty. Các ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu cao, như các doanh nghiệp thua lỗ, dự kiến sẽ trì hoãn thời gian công bố báo cáo kiểm toán.

Quy mô doanh nghiệp cũng có ảnh hưởng đến độ trễ của báo cáo kiểm toán. Các nghiên cứu của El-Bannany, (2008) Rusmin & Evans (2017) cho thấy các ngân hàng có số lượng chi nhánh lớn sẽ cần nhiều thời gian hơn để hoàn thành các thủ tục hợp nhất và kiểm toán. Do đó, số lượng chi nhánh dự kiến sẽ có mối quan hệ tích cực với ARL.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu này tập trung phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ARL của báo cáo tài chính đã được kiểm toán

của các ngân hàng tại Việt Nam. Dữ liệu nghiên cứu là dữ liệu thứ cấp, được thu thập từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán, báo cáo thường niên, báo cáo quản trị của công ty. Dữ liệu nghiên cứu bao gồm 290 quan sát từ 29 ngân hàng, trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2023.

3.2. Mô hình nghiên cứu

Để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ARL, chúng tôi sử dụng mô hình hồi quy đa biến cho dữ liệu bảng. Độ trễ báo cáo kiểm toán (ARL) được mô hình hóa như một hàm của một số biến giải thích.

$$ARL_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 IMEM_{i,t} + \beta_2 BOD_{i,t} + \beta_3 MANOWN_{i,t} + \beta_4 BODOWN_{i,t} + \beta_5 FOREIGN_{i,t} + \beta_6 INSTITUTION_{i,t} + \beta_7 ROE_{i,t} + \beta_8 NPL_{i,t} + \beta_9 BRANCH_{i,t} + \beta_{10} LEV_{i,t} + \beta_{11} SIZE_{i,t} + \varepsilon_{i,t}$$

Trong đó:

ARL: Độ trễ báo cáo kiểm toán, được đo bằng số ngày từ ngày ký báo cáo kiểm toán đến cuối năm kế toán

IMEM: Tỷ lệ thành viên độc lập trong hội đồng quản trị

BOD: Số lượng thành viên trong HĐQT

MANOWN: Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên ban điều hành

BODOWN: Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT

FOREIGN: Tỷ lệ cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài

INSTITUTION: Tỷ lệ cổ phần của nhà đầu tư tổ chức

ROE: Lợi nhuận của ngân hàng bằng cách sử dụng lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu

NPL: Tỷ lệ nợ xấu ngân hàng trên tổng dư nợ

BRANCH: Số lượng chi nhánh ngân hàng

LEV: Tỷ lệ nợ ngân hàng

SIZE: Quy mô ngân hàng, được đo bằng logarit tự nhiên của tổng tài sản.

4. Kết quả và thảo luận

Phân tích hồi quy cho dữ liệu bảng được sử dụng để kiểm định các giả thuyết. Bảng 1 báo cáo kết quả phân tích hồi quy giữa độ trễ của báo cáo kiểm toán và các yếu tố ảnh hưởng đến độ trễ của báo cáo kiểm toán. Kết quả hồi quy dựa trên mô hình hồi quy GLS đã loại bỏ các lỗi bao gồm lỗi phương sai thay đổi, tự tương quan hay đa cộng tuyến.

Bảng 1. Kết quả hồi quy của các biến trong mô hình

Giả thuyết	Các biến	Dấu kỳ vọng	Hệ số	t-stat	p-value	
Hàng số			-48799	-0,24	0,812	
Biến độc lập						
H1	IMEM	+	34.740	2.9	0.004	**
H2	BOD	+	1.298	2.15	0.032	**
H3	BODMEETING	+	0.168	3.39	0.001	***
H4	MGTOWN	-	0.790	1.79	0.074	*
H5	BODOWN	-	-0.892	-2.8	0.005	**
H6	FOREIGN	-	0.042	0.49	0.622	
H7	INSTITUTION	-	-0.085	-1.91	0.056	*
Biến kiểm soát						
	ROE	-	-106.015	-5.82	0	***

Giả thuyết	Các biến	Dấu kỳ vọng	Hệ số	t-stat	p-value	
	NPL	+	-0.255	-1.06	0.287	
	BRANCH	+	0.003	0.24	0.812	
	SIZE		3.954	2.32	0.021	**
	LEV		0.079	0.33	0.738	
Số lượng quan sát		286				

Ghi chú: Có ý nghĩa thống kê ở mức: 0,01***; 0,05**; 0,10*

Bảng kết quả hồi quy cho thấy các đặc điểm của hội đồng quản trị bao gồm tỷ lệ thành viên độc lập, số lượng thành viên trong hội đồng quản trị và số lần họp hội đồng quản trị có tác động cùng chiều đến độ trễ của báo cáo kiểm toán. Kết quả hồi quy cho thấy tỷ lệ thành viên độc lập trong hội đồng quản trị cao hơn kéo dài thời gian hoàn thành báo cáo kiểm toán, nhất quán với giả thuyết H1. Sự hiện diện của các thành viên độc lập trong hội đồng quản trị giúp bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư. Các thành viên độc lập sẽ đóng vai trò giám sát hiệu quả chiến lược doanh nghiệp dựa trên các kinh nghiệm và kiến thức chuyên sâu. Sự gia tăng vai trò giám sát từ các thành viên độc lập làm kéo dài thời gian hoàn thiện báo cáo tài chính, làm tăng độ trễ của báo cáo. Kết quả này nhất quán với nghiên cứu của Carcello và cộng sự (2002), nhưng có sự khác biệt với một số nghiên cứu của Abdullah (2006), Kaaroud et al (2020). Kết quả hồi quy thực nghiệm trên các ngân hàng thương mại Việt Nam xác nhận mối quan hệ cùng chiều có ý nghĩa thống kê, khẳng định giả thuyết H2. Sự gia tăng quy mô thành viên của hội đồng quản trị làm kéo dài thời gian lập báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán do việc thống nhất ý kiến và giải quyết vấn đề từ các thành viên mất nhiều thời gian hơn. Kết quả này nhất quán với các nghiên cứu của (Habib et al., 2019). Số lượng các cuộc họp hội đồng quản trị có thể sử dụng như một thước đo để đánh giá mức độ tận tâm của hội đồng quản trị trong việc thực thi nhiệm vụ giám sát chiến lược và thực hiện chiến lược doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng sự gia tăng số lần họp hội đồng quản trị kéo dài thời gian lập báo cáo kiểm toán, xác nhận dự đoán của giả thuyết H3. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Mathuva et al., (2019). Số lần họp tăng lên cho thấy hội đồng quản trị cần nhiều thời gian hơn để đưa ra quyết định tốt nhất cho ngân hàng, dẫn đến kéo dài thời gian hoàn thành báo cáo tài chính.

Các đặc điểm về quyền sở hữu của ngân hàng có ảnh hưởng đến độ trễ của báo cáo kiểm toán. Bằng chứng thực nghiệm cho thấy tỷ lệ sở hữu của thành viên HĐQT, sở hữu của ban điều hành, và sở hữu của cổ đông tổ chức đều có quan hệ tỷ lệ nghịch với thời gian ban hành báo cáo kiểm toán ở các mức ý nghĩa khác nhau, khẳng định các giả thuyết H4, 5 và 7. Mức độ sở hữu cổ phiếu của cổ đông nước ngoài không có liên hệ có ý nghĩa đến thời gian lập báo cáo kiểm toán. Điều này có thể giải thích được do tỷ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài trong các ngân hàng bị khống chế theo quy định của pháp luật ở mức 30%. Nhiều ngân hàng có tỷ lệ sở hữu nước ngoài đúng bằng mức trần 30% và không thể gia tăng thêm quyền sở hữu. Do vậy tỷ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài được xem xét nhưng không tạo được ảnh hưởng

đến thời gian ban hành báo cáo. Tỷ lệ sở hữu của ban điều hành có tác động cùng chiều đến độ trễ của báo cáo kiểm toán. Kết quả này nhất quán với một số nghiên cứu trước đây ở các nước khác của Hashim (2017), Basuony et al (2016). Tỷ lệ sở hữu cao hơn của ban điều hành có thể làm gia tăng sự bảo thủ của ban quản lý và làm suy yếu hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty. Trái lại, tỷ lệ sở hữu của hội đồng quản trị lại có mối liên hệ nghịch với độ trễ của báo cáo kiểm toán. Sự gia tăng tỷ lệ sở hữu của các thành viên hội đồng quản trị cho thấy yêu cầu cao hơn của hội đồng quản trị về tính minh bạch và kịp thời của thông tin để hỗ trợ các quyết định đầu tư, do đó các thành viên hội đồng quản trị đóng vai trò tích cực trong quá trình giám sát và phê duyệt các báo cáo, giúp giảm thời gian ban hành báo cáo ra công chúng. Tỷ lệ sở hữu của cổ đông tổ chức có mối quan hệ nghịch với ARL. Kết quả này khẳng định lý thuyết về người đại diện rằng các nhà đầu tư có tổ chức đóng vai trò hình thành cơ chế quản trị công ty tốt hơn. Vai trò giám sát của các nhà đầu tư tổ chức giúp làm giảm ARL. Do vậy sự hiện diện và gia tăng sở hữu của cổ đông tổ chức có thể là cơ chế tốt để tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ, rút ngắn thời gian công bố báo cáo tài chính. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu tương tự ở nhiều nước khác bao gồm Basuony et al (2016), Sulimany (2023).

Về các biến kiểm soát, kết quả hồi quy cũng cho thấy các ngân hàng có lợi nhuận tốt hơn có xu hướng ban hành báo cáo tài chính kịp thời hơn vì việc công bố lợi nhuận cao hơn là tín tốt cho công chúng (Sulimany, 2023; Basuony et al, 2016). Kết quả kinh doanh tiêu cực phản ánh qua tỷ lệ sinh lời trên vốn chủ sở hữu kém có thể tạo tín hiệu không tốt cho thị trường nên dẫn đến sự trì hoãn trong công bố thông tin. Kết quả hồi quy cũng chỉ ra mối quan hệ cùng chiều giữa quy mô ngân hàng và ARL. Các ngân hàng quy mô lớn hơn có thể duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mạnh mẽ để hỗ trợ thông tin cho kiểm toán độc lập, giúp cho việc công khai thông tin trên báo cáo tài chính nhanh và đầy đủ hơn. Các biến kiểm soát khác bao gồm tỷ lệ nợ xấu, đòn bẩy tài chính và số lượng chi nhánh không có ảnh hưởng có ý nghĩa đến độ trễ của báo cáo kiểm toán.

5. Kết luận, khuyến nghị

Bài viết này xem xét tác động của đặc điểm hội đồng quản trị và cơ cấu sở hữu đến độ trễ của báo cáo kiểm toán của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Nghiên cứu này tìm hiểu phạm vi, bản chất và các yếu tố ảnh hưởng đến thời gian các ngân hàng công bố báo cáo kiểm toán. Đây cũng là một trong những nghiên cứu ít ỏi của Việt Nam tập trung riêng vào hệ thống các ngân hàng thương mại trong giai đoạn 10 năm từ năm 2014 đến năm 2023. Kết quả nghiên cứu cho thấy độ trễ của báo cáo kiểm toán của các ngân hàng chịu tác động bởi các đặc điểm của hội đồng quản trị bao gồm quy mô, tỷ lệ thành viên độc lập và số lần họp của hội đồng quản trị. Sự gia tăng về quy mô hội đồng quản trị, tỷ lệ thành viên độc lập và số cuộc họp đều kéo dài thời gian ban hành báo cáo kiểm toán do

quá trình giám sát và phê duyệt thông tin trong báo cáo kéo dài. Các đặc trưng về sở hữu bao gồm sở hữu của ban điều hành, sở hữu của hội đồng quản trị, sở hữu của cổ đông tổ chức đều có ảnh hưởng đến thời gian lập và ban hành báo cáo tài chính. Các ngân hàng có tỷ lệ sở hữu của hội đồng quản trị và cổ đông tổ chức cao hơn có độ trễ của báo cáo kiểm toán ngắn hơn. Kết quả này khẳng định tác động của đặc trưng sở hữu đến mức độ kịp thời của báo cáo kiểm toán trên cơ sở lý thuyết về người đại diện và các bên liên quan áp dụng cho mỗi quan hệ. Tuy nhiên, tỷ lệ sở hữu của ban điều hành có thể làm chậm quá trình công khai báo cáo tài chính do ảnh hưởng của sự bảo thủ cổ hữu của ban điều hành và sự suy yếu trong hệ thống kiểm soát nội bộ.

Những phát hiện từ kết quả nghiên cứu này cung cấp một số gợi ý cho các ngân hàng trong việc cung cấp báo cáo kiểm toán kịp thời hơn cho các nhà đầu tư. Các cơ chế kiểm soát hiệu quả từ cổ đông thông qua tỷ lệ sở hữu của hội đồng quản trị và sở hữu của cổ đông tổ chức sẽ góp phần làm giảm các vấn đề về thông tin bất cân xứng, rút ngắn độ trễ của báo cáo kiểm toán và qua đó tăng cường niềm tin của các nhà đầu tư. Việc duy trì cơ cấu hội đồng quản trị hợp lý, chất lượng của hoạt động quản trị thông qua số lượng các cuộc họp cũng giúp giảm độ trễ và tăng tính kịp thời của thông tin.

Tài liệu tham khảo:

- Abdullah, S. (2006). Board composition, audit committee and timeliness of corporate financial reports in Malaysia. *Corporate Ownership and Control*, 4, 33-45. <https://doi.org/10.22495/cocv4i2p3>
- Amin, M. A., Abdelmaged, E. M., Ibrahim, A. E., & Abdelfattah, T. (2024). CEO characteristics and audit report lag: Evidence from Egypt. *International Journal of Accounting & Information Management*, 33(1), 32-67. <https://doi.org/10.1108/IJAIM-03-2024-0096>
- Anum Mohd Ghazali, N. (2010). Ownership structure, corporate governance and corporate performance in Malaysia. *International Journal of Commerce and Management*, 20(2), 109-119. <https://doi.org/10.1108/10569211011057245>
- Basuony, M. A. K., Mohamed, E. K. A., Hussain, M. M., & Marie, O. K. (2016). Board characteristics, ownership structure and audit report lag in the Middle East. *International Journal of Corporate Governance*, 7(2), 180-205.
- Ben-Nasr, H., Boubakri, N., & Cosset, J.-C. (2015). Earnings quality in privatized firms: The role of state and foreign owners. *Journal of Accounting and Public Policy*, 34(4), 392-416. <https://doi.org/10.1016/j.jaccpubpol.2014.12.003>
- Carcello, J. V., Hermanson, D. R., Neal, T. L., & Riley, R. A. (2002). Board Characteristics and Audit Fees. *Contemporary Accounting Research*, 19(3), 365-384.
- Chalu, H. (2021). Board characteristics, auditing characteristics and audit report lag in African Central Banks. *Journal of Accounting in Emerging Economies*, 11(4), 578-609.
- El-Bannany, M. (2008). Factors affecting audit report lag in banks: The Egyptian case. *Corporate Ownership and Control*, 5(3), 54-61. <https://doi.org/10.22495/cocv5i3p6>
- Endri, E., Sari Dewi, S., & Eko Pramono, S. (2023). The determinants of audit report lag: Evidence from Indonesia. *Investment Management and Financial Innovations*, 21(1), 1-12. [https://doi.org/10.21511/imfi.21\(1\).2024.01](https://doi.org/10.21511/imfi.21(1).2024.01)
- Febrianty, K., & Raharja, S. (2024). Effect of Firm Size, Profitability, and Audit Opinion on Audit Report Lag (in Mining Company Registered in Indonesia's Stock Exchange for the Financial Year between 2017 and 2020). *Diponegoro Journal of Accounting*, 13(1), Article 1. <https://ejournal3.undip.ac.id/index.php/accounting/article/view/42631>
- Hashim, U. (2017). Does Ownership Characteristics Have Any Impact on Audit Report Lag? Evidence of Malaysian Listed Companies. *World Applied Sciences Journal*, 1826-1838. <https://doi.org/10.5829/idosi.wasj.2017.1826.1838>
- Jensen, M. C., & Meckling, W. H. (1976). Theory of the firm: Managerial behavior, agency costs and ownership structure. *Journal of Financial Economics*, 3(4), 305-360. [https://doi.org/10.1016/0304-405X\(76\)90026-X](https://doi.org/10.1016/0304-405X(76)90026-X)
- Kaaroud, M. A., Ariffin, N. M., & Ahmad, M. (2020). The extent of audit report lag and governance mechanisms: Evidence from Islamic banking institutions in Malaysia. *Journal of Islamic Accounting and Business Research*.
- Lee, H., Mande, V., & Son, M. (2009). Do Lengthy Auditor Tenure and the Provision of Non-Audit Services by the External Auditor Reduce Audit Report Lags? *International Journal of Auditing*, 13(2), 87-104. <https://doi.org/10.1111/j.1099-1123.2008.00406.x>
- Modugu, K. (2012). Determinants of Audit Delay in Nigerian Companies. *Journal of Finance and Accounting*, Vol. 3.
- O'Sullivan, N. (2000). THE IMPACT OF BOARD COMPOSITION AND OWNERSHIP ON AUDIT QUALITY: EVIDENCE FROM LARGE UK COMPANIES. *The British Accounting Review*, 32(4), 397-414. <https://doi.org/10.1006/bare.2000.0139>
- Rusmin, R., & Evans, J. (2017). Audit quality and audit report lag: Case of Indonesian listed companies. *Asian Review of Accounting*, 25(2), 191-210. <https://doi.org/10.1108/ARA-06-2015-0062>
- Tuế A. (2022, September 13). Tác động của nợ xấu đến các ngân hàng và nền kinh tế. *Tạp chí Tài chính*. <https://tapchitaichinh.vn/tac-dong-cua-no-xau-den-cac-ngan-hang-va-nen-kinh-te.html>
- Whitred, G. P. (1980). Audit Qualification and the Timeliness of Corporate Annual Reports. *The Accounting Review*, 55(4), 563-577. JSTOR.